Phụ lục I

CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ ĐẾN NĂM 2030

(Kèm theo Kế hoạch số 353 /KH-UBND ngày 24 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

Theo Chương trình hành động tại Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ						Trách nhiệm các Cơ quan thành phố Cần Thơ phối hợp với Cơ quan Trung ương theo phân công tại Nghị quyết số 80/NQ-CP
Stt	**Chỉ tiêu**	**Đơn vị tính**	**Chỉ tiêu cần đạt được**		**Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá**	
			Đến năm 2025	**Đến năm 2030**		
1.	Tỷ lệ đô thị hóa toàn quốc	%	≥45	>50	Bộ Xây dựng	Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp cùng các sở ngành, địa phương có liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.
	Tỷ lệ đô thị hóa tại thành phố Cần Thơ[1]	%	47,60	>50	Sở Xây dựng	
2.	Tỷ lệ đất xây dựng đô thị trên tổng diện tích đất tự nhiên toàn quốc	%	1,5 - 1,9	1,9 - 2,3	Bộ Xây dựng	
	Tỷ lệ đất xây dựng đô thị trên tổng diện tích đất tự nhiên tại thành phố Cần Thơ	%	7,7		Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng	
3.	Số lượng đô thị toàn quốc		950 - 1000	1000 - 1200	Bộ Xây dựng	
4.	Tỷ lệ đô thị loại III trở lên hoàn thiện tiêu chí phân loại đô thị về cơ sở hạ tầng đô thị, nhất là hạ tầng về y tế, giáo dục, đào tạo và công trình văn hóa cấp đô thị	%	100		Bộ Xây dựng	

[1] Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Cần Thơ lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

Theo Chương trình hành động tại Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ						Trách nhiệm các Cơ quan thành phố Cần Thơ phối hợp với Cơ quan Trung ương theo phân công tại Nghị quyết số 80/NQ-CP
Stt	**Chỉ tiêu**	**Đơn vị tính**	**Chỉ tiêu cần đạt được**		**Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá**	
			Đến năm 2025	**Đến năm 2030**		
5.	Tỷ lệ phủ kín quy hoạch chung, quy hoạch phân khu đô thị	%	100		Bộ Xây dựng	
6.	Tỷ lệ các đô thị hiện có và đô thị mới có chương trình cải tạo, chỉnh trang, tái thiết và phát triển đô thị	%	100		Bộ Xây dựng	
7.	Tỷ lệ đất giao thông trên đất xây dựng đô thị	%	11 - 16	16 - 26	Bộ Xây dựng	
8.	Diện tích cây xanh đô thị bình quân trên mỗi người dân đô thị	m^2/người	6 - 8	8 - 10	Bộ Xây dựng	
9.	Diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người tại khu vực đô thị	m^2/người	≥28	≥32	Bộ Xây dựng	
	Diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người tại khu vực đô thị thành phố Cần Thơ[2]		≥26,4	≥30,7		

[2] Căn cứ theo Chương trình số 20-Ctr/TU ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố phát triển đô thị thành phố Cần Thơ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Theo Chương trình hành động tại Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ						Trách nhiệm các Cơ quan thành phố Cần Thơ phối hợp với Cơ quan Trung ương theo phân công tại Nghị quyết số 80/NQ-CP
Stt	**Chỉ tiêu**	**Đơn vị tính**	**Chỉ tiêu cần đạt được**		**Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá**	
			Đến năm 2025	**Đến năm 2030**		
10.	Tỷ lệ phủ kín hạ tầng mạng băng rộng cáp quang đến các hộ gia định	%	>80	100	Bộ Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp cùng địa phương tham mưu UBND thành phố.
11.	Tỷ lệ dân số trưởng thành tại đô thị có tài khoản thanh toán điện tử	%	>80	>100	Ngân hàng nhà nước	Ngân hàng Nhà nước chủ trì, phối hợp cùng địa phương tham mưu UBND thành phố.
12.	Đóng góp kinh tế khu vực đô thị vào GDP cả nước	%	75	85	Bộ Tài chính	Sở Tài chính chủ trì, phối hợp sở, ban, ngành và địa phương, tham mưu UBND thành phố.
13.	Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP của các đô thị trực thuộc trung ương	%	25 - 30	35 - 40	Bộ Tài chính	Sở Tài chính chủ trì, phối hợp sở, ban, ngành và địa phương, tham mưu UBND thành phố.

Theo Chương trình hành động tại Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ						Trách nhiệm các Cơ quan thành phố Cần Thơ phối hợp với Cơ quan Trung ương theo phân công tại Nghị quyết số 80/NQ-CP
Stt	**Chỉ tiêu**	**Đơn vị tính**	**Chỉ tiêu cần đạt được**		**Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá**	
			Đến năm 2025	**Đến năm 2030**		
14.	Số lượng đô thị có thương hiệu được công nhận tầm khu vực và quốc tế	Đô thị		3 - 5	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố chủ trì, Bộ Xây dựng phối hợp	Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp các sở ngành có liên quan và địa phương đề xuất báo cáo UBND thành phố.
15.	Số lượng trung tâm đô thị cấp quốc gia, cấp vùng đạt các chỉ tiêu về y tế, giáo dục và đào tạo, văn hóa cấp đô thị tương đương mức bình quân của các đô thị thuộc nhóm 4 nước dẫn đầu ASEAN	Đô thị		Hình thành một số trung tâm đô thị	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố chủ trì, Bộ Xây dựng phối hợp	Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp các sở ngành có liên quan và địa phương đề xuất báo cáo UBND thành phố.